

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục 06 thủ tục hành chính lĩnh vực  
phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước  
của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-BTP ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

*(Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).*

Danh mục và nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 40/QĐ-BTP ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ: [www.tuyenquang.gov.vn](http://www.tuyenquang.gov.vn).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp đối với lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** 

- Cục KSTTHC-VPCP (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Minh Huân**

**DANH MỤC 06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC  
PHÁP LUẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC  
CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 THỦ TỤC)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, số 501, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Không quy định	- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
2	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, số 501, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Không quy định	- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp.

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 THỦ TỤC)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;</li> <li>- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.</li> </ul>
2	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 THỦ TỤC)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;</li> <li>- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.</li> </ul>
2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>